

## Người nghèo ở thành phố Hồ Chí Minh: thử phác họa một bức chân dung

NGUYỄN THU SA

Ở khu vực đô thị thuộc thành phố Hồ Chí Minh, người nghèo được xác định trong cuộc điều tra là những người có thu nhập bình quân nhân khẩu hàng tháng từ 200.000 trở xuống. Với 747 gia đình được xem là nghèo trong cuộc điều tra này, các số liệu thu thập được cho chúng ta có được một cái nhìn hoàn cảnh về người nghèo qua một số đặc điểm như sẽ được trình bày dưới đây.

### 1. ĐẶC ĐIỂM GIA ĐÌNH

Trong số 747 gia đình điều tra, có 75 gia đình người Hoa (chiếm 10%) mà đông nhất là ở quận 8 (35 gia đình) và quận 11 (22 gia đình). Có 7 gia đình (0,9% là người Chăm, Khmer. Còn lại, 89%, là người Việt.

Phần lớn những người được phỏng vấn đều sinh trưởng ở thành phố Hồ Chí Minh (55,8%). Có 48,2% đến thành phố sinh sống từ những năm trước 1955 cho đến những năm gần đây. Trong số này có phân nửa từ các tỉnh Nam bộ (24,1%), 9,8% từ các tỉnh miền Trung, 5,6% từ các tỉnh miền Bắc, và 44,7% từ nước ngoài (Kampuchia và Trung Quốc). Chỉ tính riêng trong số đến thành phố sau năm 1975 (27 gia đình thì số từ các tỉnh miền Trung là đông nhất (11 gia đình, 33,3%). Sau đó là số từ các tỉnh Nam bộ (9 gia đình), và từ các tỉnh miền Bắc (5 gia đình).

Có 4324 nhân khẩu trong tổng số 747 gia đình được điều tra, bình quân 5,8 người cho một gia đình. Có những gia đình chỉ có 1-2 nhân khẩu (7,5%) và có khi chỉ có người già hoặc một cặp vợ chồng già, nhưng cũng có gia đình có đến trên 20 người. Đa số gia đình chỉ có hai thế hệ (57,8% nhưng số gia đình có 3 và 4 thế hệ (35,6% và 1,7% cũng không phải là ít.

Về quy mô gia đình và thế hệ chung sống trong gia đình, so với một vài cuộc điều tra trước đây, thì những đặc điểm này như không có gì khác biệt. Tuy vậy, những "đặc trưng" của người nghèo lại được thể hiện rất rõ từ cuộc điều tra này. Do là tình trạng thiếu học, bệnh tật, thất nghiệp, và thiếu chồng hoặc thiếu vợ trong gia đình.

Hầu hết những người được phỏng vấn đều là người trụ cột trong gia đình (chủ hộ hoặc vợ /chồng của chủ hộ), nhưng về học vấn, ta thấy trong số 747 người, chỉ có 5 người, tức 0,7% có trình độ Đại học, 76 người tức 10,2% có trình độ cấp 3, và 18,5% có trình độ cấp 2. Trong số còn lại, gồm trên 70% số cấp 1 là 42,3%, số có biết chữ là 7,8% và số mù chữ rất đông, 20,6%. Từ tình trạng học vấn thấp của người trụ cột trong gia đình, một điều như không tránh khỏi là sự quan tâm của họ đến việc học hành của con em không đầy đủ. Dĩ nhiên điều kiện kinh tế gia đình là yếu tố quan trọng vào bậc nhất trong việc cho con em đến trường, nhưng sự quan tâm và quan tâm đầy đủ của các bậc cha mẹ luôn tỏ ra là cần

thiết. Một số thành viên những gia đình nghèo ở đây, không có lấy một thành viên biết chữ. Nhìn qua tình hình học vấn trong các gia đình, chỉ tính những người từ 15 tuổi trở lên thì vẫn còn có 3,7% gia đình không có ai biết chữ, và 2,4% thì có người có trình độ chỉ đến biết chữ.

Trong số còn lại, có 2,4% gia đình có người có trình độ Đại học; 22,4% người có trình độ cấp 3; 35,1% có trình độ cấp 2; và 43% có trình độ cấp I. Nếu so với học vấn của những người trụ cột thì học vấn cao nhất trong gia đình (của những người từ 15 tuổi trở lên) mà ta thấy ở đây đã tỏ ra là hơn hẳn. Tuy vậy, số có học vấn cao nhất trong gia đình này chủ yếu cũng chỉ đến cấp 1 và cấp 2. Về học vấn, chúng tôi sẽ bàn tiếp khi nói về học vấn của người nghèo nói chung, nhưng ở đây, về mặt gia đình, còn có thêm một ghi nhận. Đó là, trong những gia đình có thu nhập thấp nhất (bình quân nhân khẩu 60.000 đ/tháng trở xuống, số này có 52 hộ, chiếm 7%), có 13,5% không có người nào từ 15 tuổi trở lên biết chữ, 9,6% thì có học vấn cao nhất là "biết chữ". Nghĩa là, trong bộ phận dân cư nghèo nhất này, có đến gần 1/4 gia đình mà các thành viên từ 15 tuổi trở lên hoặc mù chữ, hoặc chỉ mới biết chữ mà thôi.

Điều thứ hai chúng tôi muốn nêu ra như là đặc trưng của người nghèo là về tình hình bệnh tật trong những gia đình này. Trong 747 gia đình được điều tra, có 17% gia đình có người bệnh tật, không lao động được. Trong số này, có 15,4% gia đình (115 gia đình) có 1 người bệnh, và 1,6% có hai người, với tổng số người bệnh là 139. Đặc biệt số người bị bệnh tật có nhiều ở những người trong độ tuổi lao động (15-60 tuổi): 125 trên tổng số 139 người bệnh, chiếm 4,6% những người trong độ tuổi này. Tính theo từng độ tuổi thì trong thanh niên có 23%, và trong nhóm 31-60 tuổi có đến 7,1% bị bệnh. Ở các nhóm tuổi khác, số người bệnh ít hơn: ở những người 10-14 tuổi là 1,2%, và những người trên 60 tuổi cũng cùng tỷ lệ. Cuộc điều tra đã ghi nhận được một số những trường hợp bị bệnh (54 trường hợp không ghi nhận được}, trong đó, đông nhất là bệnh nhân tâm thần (35 trường hợp). Số bị tật cũng đáng kể: 15 người. Còn lại những bại liệt, mù, câm, gan, lao phổi, v.v...

Bệnh tật gắn với "số phận" của người nghèo hay ngược lại, người ta nghèo vì bệnh tật? Có thể đây là một cái vòng luẩn quẩn, như điều ghi nhận được từ cuộc điều tra là những gia đình có người bệnh tật đã phải vay nợ nhiều hơn so với những gia đình nghèo khác. Số liệu chung cho thấy trong năm 1993 có 58,9% gia đình đã phải vay nợ. Nhưng riêng trong số 115 gia đình có một người bệnh thì số có vay nợ là 68,7%, và đối với 12 gia đình có hai người bệnh thì tất cả đều có vay. Còn trong những gia đình không có người bệnh thì số vay là 56,3%.

Cũng trong việc vay nợ, ta thấy vay để chi cho việc chữa bệnh là một "ưu tiên" rất đáng kể của người nghèo. Trong các mục đích của việc vay nợ, vay để chi dùng cho việc ăn mặc là ưu tiên hàng đầu của người nghèo (52% những người có vay). Sau đó là để làm ăn, buôn bán (23,4%). Dù xếp hàng thứ ba, nhưng 1/5 những người có vay (20,5%) là để chi cho việc chữa bệnh.

Đặc điểm thứ ba chúng tôi sẽ nêu ở đây là về tình trạng khuyết chồng hay khuyết vợ trong những gia đình nghèo này. Đây là tình hình chỉ được ghi nhận đối với người được phỏng vấn chứ không phải đối với tất cả các thành viên khác của gia đình. Trong số 747 người được phỏng vấn, số có vợ, có chồng là 60,2%, và số chưa có gia đình chỉ có 4,1%. Còn lại 35,6% là khuyết chồng hoặc khuyết vợ, mà hầu hết là khuyết chồng (32,3).

Số khuyết chồng như vậy là rất đông trong những gia đình nghèo, và có lẽ là một "vấn đề" của tầng lớp xã hội này. Số này trong người Việt có phần đông hơn trong người Hoa. (33,2% so với 26,7%), và không chỉ có ở những người lớn tuổi. Những người khuyết chồng (241 người), đông nhất là ở vào độ tuổi 31-60 (56,4%). Những người trên 60 tuổi chiếm 41,5%, Dù ít nhưng vẫn có 2,1% thuộc độ tuổi 30 trở xuống.

Theo ghi nhận của điều tra viên, chồng chết chỉ là thiểu số trong số khuyết chồng, ly

hôn lại càng ít hơn. Số đông khuyết chồng là vì "chồng bỏ". Phải chăng đời sống quá khó khăn đã làm cho cái tình, cái nghĩa của cuộc sống vợ chồng nơi các ông chồng phôi pha đi? Qua tiếp xúc của chúng tôi với một số gia đình nghèo, thì chính sự quá vất vả, khó khăn của đời sống đã là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những bất hòa, và có lẽ đây là điều dẫn đến những tan vỡ trong cuộc sống gia đình.

## II- HỌC VẤN CỦA NGƯỜI NGHÈO

Ta đã thấy qua về trình độ học vấn của các gia đình nghèo. Ở đây, chúng tôi sẽ đề cập thêm đến học vấn của các thành viên, những người từ 7 tuổi trở lên, tức từ tuổi đang học lớp 1 vào thời điểm điều tra.

Nếu như có một sự hụt hẫng về học vấn ở những người "trụ cột" của gia đình, thì đối với tất cả các thành viên từ 7 tuổi trở lên (có 3788 người), tình hình cũng không khá hơn. Số có trình độ Đại học cũng chỉ 0,7%; cấp 3: 7,2%; cấp 2: 23,1%. Còn lại, 69% có trình độ chỉ đến cấp 1, với số cấp 1 là 47,1%, biết chữ: 4,7%, và mù chữ: 17,2%. So với số liệu đã dẫn ở trên, ta thấy như có một sự tương đương nào đó về học vấn của những người trụ cột và các thành viên nói chung. Điều này có nghĩa, cho đến nay, sự thiếu hụt về học vấn đeo đẳng người nghèo như một thứ "số mệnh", và việc lâm vào cảnh nghèo cũng đồng nghĩa với việc khó cải thiện về học vấn, cho dù cũng qua số liệu ở đây, người già (trên 60 tuổi) có trình độ thấp hơn với số mù chữ 50,7%, số biết chữ là 11,2%, và số cấp 1 là 30,5%.

Trong các nhóm tuổi, điều đáng lưu ý trước hết hẳn là về học vấn của những người trong độ tuổi lao động (15-60 tuổi). Với 2693 người (62,3% tổng nhân khẩu), học vấn của những người trong độ tuổi này như sau (%):

	15-30t	31-60t	Tổng số
Mù chữ	14,8	12,0	13,5
Biết chữ	3,3	6,5	4,8
Cấp 1	39,4	46,0	4,6
Cấp 2	33,7	22,3	28,3
Cấp 3	7,9	12,3	10,0
CDDH	0,9	0,9	0,9
Tổng số	100,0	100,0	100,0

Qua các số liệu trên ta thấy được về tình trạng học vấn thấp của những người trong độ tuổi lao động. Riêng thanh niên, những người từ 15 đến 30 tuổi, học vấn cũng không khá hơn những người ở độ tuổi 31-60. Ở thanh niên, số có học vấn cấp 2 có đông hơn (33,7% so với 22,3%), nhưng ngược lại, số mù chữ lại có phần nhiều hơn, và số có trình độ cấp 3 lại ít hơn. Như vậy, một tình hình khá rõ ràng là sự hụt hẫng về học vấn trong người nghèo như có sự kế tục từ thế hệ này sang thế hệ khác, và khó có điều kiện để cải thiện. Thanh niên, những người lớn lên từ sau ngay giải phóng, có được "chăm lo" hơn thế hệ cha anh trước đó cũng chỉ đến mức cấp 2, còn ngoài ra thì không có dấu hiệu nào để có thể thấy được khả năng vượt ra khỏi tình trạng học vấn thấp cả. Đặc biệt, cũng trong thanh niên, số mù chữ lên đến 14,8%, có phần cao hơn số mù chữ ở những người thuộc nhóm tuổi 31-60. Con số này có nhiều hay không, và chương trình xóa mù chữ có đã bỏ quên bộ phận dân cư này hay không? Điều này có lẽ dành cho những người có trách nhiệm đưa ra câu trả lời.

Sự bế tắc trong việc thoát khỏi tình trạng học vấn quá thấp của người nghèo còn được thể hiện qua số liệu về học vấn của những trẻ em trong độ tuổi 10-14. Nếu như trong số trẻ em từ 7 đến 14 tuổi có đến những 15,2% không biết chữ là vì trong số này có nhiều trẻ có thể đã đến 8 hoặc 9 tuổi nhưng chưa đi học, thì đối với những trẻ 10-14 tuổi, chưa biết chữ còn có nghĩa là phải đợi đến chương trình xóa mù chữ "gọi" đến mới có thể biết chữ được. Học vấn của trẻ em trong độ tuổi này (506 em) như sau: Cấp 2: 18%; Cấp 1: 69,6%; Biết chữ: 1,2%; và mù chữ: 11,3%. Như vậy, tình trạng học vấn thấp của thế hệ 10-14 tuổi này rồi sẽ mang đậm dấu ấn của thế hệ cha anh.

Ta còn có thể thấy thêm về "lối mòn" của tình trạng học vấn qua các số liệu về "nghề nghiệp" của những em trong độ tuổi này. Trong số trẻ em 10-14 tuổi, vào thời điểm điều tra, chỉ có 74,1% là đang còn đi học. Nghĩa là 1/4 trẻ em trong độ tuổi này hoặc là chưa bao giờ đến trường, hoặc đã phải nghỉ học. Số này, hoặc ở nhà không làm gì (16%), hoặc đã phải đi làm một nghề nào đó (9%) như bán vé số, bốc vác, buôn bán, v.v. Nếu như toàn bộ số trẻ em chưa bao giờ đến trường và số chỉ mới "biết chữ" là phải "ở nhà" hoặc đi làm, thì trong số trẻ có trình độ cấp 2 có 91,2% và trong số trẻ có trình độ cấp 1 có 81,5% là đang còn đi học. Như vậy, một phần trong 8,8% số trẻ có trình độ cấp 2 và 18,5% số có trình độ cấp 1 trong độ tuổi 10-14 đã phải "vào đời" để phụ giúp gia đình hoặc để kiếm sống.

Đến đây ta có thể hình dung tình hình vào 10 hoặc 15 năm tới. Trong 15 năm nữa những trẻ em 10-15 tuổi hiện nay sẽ là những thanh niên 25-30 tuổi, và những trẻ 6-9 tuổi hiện nay sẽ 20-25 tuổi. Nếu như việc học của các em không có gì thay đổi thì mai sau các em cũng bị hụt hẫng về học vấn như cha anh mình. Ở đây, nếu có một ý kiến thì chúng tôi mạo muội xin được thưa rằng, nếu như ngành giáo dục phổ thông không thể chăm lo cho các em 10 - 14 tuổi được, thì hãy bắt đầu từ những em 6-9 tuổi hiện nay. Xin đừng để các em không được đến trường. Nhưng công việc có lẽ không chỉ là trách nhiệm của ngành giáo dục vì cần phải có ngân sách, và cần đến cả việc cải thiện các điều kiện sống cho người nghèo.

### III- Nghề nghiệp

Người nghèo làm những công việc gì để kiếm sống? Cuộc điều tra cho thấy việc làm của họ rất đa dạng, từ làm nhân viên ở các cơ quan, xí nghiệp nhà nước hoặc tư nhân, cho tới làm các nghề tiểu thủ công; từ đập xích lô cho tới bốc vác; từ buôn bán cho tới rửa chén, giặt áo quần thuê; nghĩa là đủ cả. Họ làm những gì có thể làm được để kiếm sống, kể cả "bia ôm". Danh mục làm của họ khá dài, và chúng tôi tạm xếp thành một số loại việc mà ta sẽ thấy được qua việc làm của những người trong độ tuổi lao động (15-60 tuổi, 2693 người, trong đó, 15-30 tuổi: 1406 người, 31-60 tuổi: 1287 người) như dưới đây

Qua số liệu về nghề nghiệp của những người trong độ tuổi lao động như trên, có vài điểm cần lưu ý.

Trước hết, nhìn chung về tình hình việc làm, ta thấy chỉ có đến 69,5% là có làm ra tiền, dù thu nhập có ổn định hay không ổn định. Số còn lại, có 30,5%, không làm ra tiền vì phải lo toan việc nội trợ, hay vì bệnh tật, mất sức, hay vì còn đi học hoặc thất nghiệp. Trong thanh niên, số có đi làm thấp hơn nhiều so với những người thuộc nhóm tuổi 31-60: 63,3% so với 76,3%. Đã hẳn, số đi làm thấp hơn trong thanh niên là vì một số thuộc lứa tuổi này còn đang đi học Đại học, phổ thông hoặc học nghề, nhưng dẫu sao, số thất nghiệp trong thanh niên là một con số rất đáng lo ngại. So với số thất nghiệp chung trong những người thuộc tuổi lao động là 11,2%, thì trong thanh niên, số thất nghiệp lên tới 17,1% trong lúc ở nhóm tuổi 31-60 chỉ đến 4,7%. Trong cảnh nghèo của gia đình mà lại không có việc làm, những thanh niên 15-30 tuổi này sẽ làm gì? Cuộc điều tra không làm sáng tỏ được điều đó như những

			%
15-30 T	31-60 T	Tổng số	
Nhân viên	2,2	3,8	3,0
CN, thợ TC	16,9	12,5	14,8
Dịch vụ	7,5	7,9	7,7
Buôn bán	7,5	14,2	10,7
Bán giải khát, ĂU	4,0	9,5	6,6
May	3,0	2,9	2,9
Thợ hồ	4,6	4,4	4,5
Xích lô, ba gác	4,7	10,7	7,6
Bán vé số	0,9	1,9	1,4
Bốc vác	3,2	2,3	2,7
Làm thuê	8,5	5,5	7,1
Nông nghiệp		0,3	0,1
Nội trợ	5,8	8,8	7,2
SV, HS, học nghề	11,2		5,9
Mất sức	0,2	2,3	1,2
Bệnh tật	2,3	7,1	4,6
Già, hưu		0,8	0,4
Việc linh tinh	0,4	0,4	0,4
Thất nghiệp	17,1	4,7	11,2
<b>Tổng số</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

ghi nhận cho thấy có vài thanh niên đang phải "cải tạo" vì tội trộm cắp, cướp giật.

Thứ hai, trong các công việc như đã phân loại ở trên, ta thấy cho dù làm loại công việc gì "chỗ đứng" của người nghèo cũng tỏ ra là khiêm tốn. Dường như làm công nhân hay làm thợ thủ công, và làm thợ may là những lãnh vực nghề nghiệp có vẻ "sáng giá" nhất đối với người nghèo. Còn như trong loại công việc được gọi là nhân viên ở đây, thì chỉ có rất ít người làm những việc như kế toán hay văn thư. Phần lớn là làm những việc gọi là tạp vụ ở cơ quan, xí nghiệp, dù thuộc nhà nước hay tư nhân, như làm vệ sinh, quét dọn ... Số làm nghề "thợ hồ" khá đông (4,5%), trong đó có một ít là nữ. Tuy vậy, trong số 121 người làm nghề này, chỉ có hai người đứng là thợ hồ, còn lại, chỉ là phụ hồ, làm những việc phụ trong xây dựng mà thôi. Số làm nghề buôn bán, kể cả bán các mặt hàng ăn uống, giải khát là rất đông: 17,3%. Cụ thể hơn về những người làm nghề buôn bán thì số bán vải, quần áo, bán tạp hóa, bán thuốc lá, cà phê, cơm tấm, chỉ là thiểu số. Phần lớn là buôn bán các mặt hàng như xôi, bánh tráng, bán bắp, bán cóc ổi, bán quà vặt. Nghề đạp xích lô, ba gác có khá đông người làm (7,6%), trong đó có một người làm phụ nữ đạp xe ba gác chở hàng thuê. Số "làm thuê" hay làm mướn không kém số xích lô, ba gác bao nhiêu (7,1 %). Đây là loại việc dường như chỉ dành cho người nghèo. Về công việc, ta thấy có những việc như bở củi, đẩy xe hủ tẩu, xe phở, giặt quần áo, rửa chén bát ...

Đó là những nét chính về việc làm của những người trong tuổi lao động. Ta còn có

thể nêu thêm ở đây về tính chất của thu nhập từ việc làm. Ta đã thấy có 30,5% những người trong độ tuổi lao động là không có thu nhập. Còn lại, 69,5%, chỉ có 37% có thu nhập ổn định, còn 32,5% thì không ổn định. Tình hình này hẳn nhiên có sự qui định của công việc. Việc làm của người nghèo vốn đã bấp bênh, thu nhập của họ không ổn định là điều tất nhiên. Không thể những nghề như đập xích lô, làm mướn, việc có một nghề gọi là công nhân ở đây cũng không hẳn đã đem lại sự ổn định cho thu nhập. Những ghi nhận từ cuộc điều tra cho thấy một số công nhân có thu nhập không ổn định vì việc làm ở xí nghiệp lắm khi cũng không ổn định. Chính vì thế mà nếu có thể có một nhận định nào đó về nghề nghiệp của người nghèo thì đó là tính chất tạm bợ, chấp vá trong việc làm và thu nhập của họ.

Đi làm để kiếm sống không chỉ là công việc của những người trong độ tuổi lao động. Đây còn là phần việc của một số trong những người trên và dưới tuổi lao động. Số có việc làm để kiếm tiền trong những người trên tuổi lao động (trên 60 tuổi) là 32,6% và trong những người dưới tuổi lao động (10-14 tuổi) là 7,6%. Về tính chất của công việc thì không có gì khác so với tình hình chung đã trình bày ở trên. Chỉ có điều cần lưu ý thêm là về lứa tuổi 10-14.

Trong tổng số 506 em thuộc nhóm tuổi 10-14, ngoài 72,1% là học sinh, số còn lại, có 16% ở nhà không làm gì cả, 2,8% học nghề, 1,2% bị bệnh hoặc tật, 4% nội trợ, và 7,6% đã có một nghề nào đó để làm một cách chính thức như một thành viên cần thiết phải làm ra tiền của gia đình. Dĩ nhiên trong số "có nghề" này, chưa kể những em vừa đi bán báo hoặc bán vé số. Các em 10-14 tuổi có đi làm nay cũng làm đủ các loại nghề như phụ huynh của mình: buôn bán, bốc vác, làm thuê làm mướn... nhưng đông nhất là bán vé số (3%). Chỉ tính trong số các em có đi làm thì số có thu nhập ổn định là 34,9%, còn 65,1% thì thu nhập không ổn định. Khi tính theo mức bình quân thu nhập của gia đình thì số có đi làm thuộc các gia đình có thu nhập thấp (60.000đ /người/tháng trở xuống) không nhiều hơn số có đi làm thuộc những gia đình có thu nhập cao hơn. Chỉ có điều số có đi học (cả học phổ thông lên học nghề) thuộc những gia đình có thu nhập thấp là ít hơn hẳn (62,2% so với 73% đến 77% thuộc các nhóm có thu nhập cao hơn), và số "ở nhà" thì lại cao hơn rất nhiều (27% so với 11% đến 17%). Rõ ràng là điều kiện học vấn quá thấp đã hạn chế việc đến trường của các em.

Nhìn chung lại về những đặc điểm của người nghèo, ta thấy như đi kèm với cái nghèo là tình trạng bệnh tật, ốm đau, là tình trạng ly tán trong gia đình, là tình trạng tạm bợ, bấp bênh trong việc làm và thu nhập, là tình trạng hụt hẫng về học vấn, và còn nữa là tình trạng vay nợ triền miên. Và như vậy, một khi cái hiện trạng này được giữ nguyên, thì tất cả những đặc điểm vừa nêu ra đó sẽ gắn liền với người nghèo như một thứ "số mệnh", hay như một thứ "của cải" mà thế hệ này để lại cho thế hệ kế tiếp. Có khi chúng ta miễn bàn một cách triết lý về một thứ quan hệ biện chứng nào đó giữa cái nghèo với những "thuộc tính" đi kèm với nó, mà hãy thử lượng giá xem người nghèo có thể thoát khỏi cảnh nghèo được hay không, và nếu có thể được thì được trong những điều kiện nào, bằng cách nào, và nhờ vào những tác động nào.

Dường như cái nghèo có gắn liền với cuộc sống đô thị. Nghĩa là, có đô thị là tất nhiên có một tầng lớp gồm những người nghèo khổ. Cho dù nguồn gốc của tầng lớp này là từ đâu, đây là nhóm xã hội chịu nhiều thiệt thòi nhất trong môi trường đô thị, nhất là trong một đô thị đang chuyển mình để phát triển. Thành phố chúng ta là một đô thị đang chuyển mình. Và do đó, người nghèo cần được quan tâm, nhưng không phải như một kiểu từ thiện, mà như một bộ phận dân cư có quyền và có thể hưởng được những thành quả của sự phát triển. Có thể có một chiến lược về người nghèo trong chiến lược phát triển của cả nước và của riêng thành phố này?